

Số: 26/2017/QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 22 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý
tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ quy định về về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 05 năm 2015 của Chính phủ Quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 33/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài

nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09 tháng 09 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt;

Căn cứ Quyết định số 14/2007/QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4017/TTr-STNMT ngày 23 tháng 8 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2017 và thay thế các Quyết định số 27/2007/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc ban hành quy định tạm thời về quản lý, bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phường, xã, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Website Chính phủ;
- Sở Tư pháp (kiểm tra vb);
- Báo Bà Rịa – Vũng Tàu, Đài PT-TH tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, STNMT(2). (40)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Tuấn Quốc



QUY ĐỊNH

Phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý Tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

(Ban hành kèm theo Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 22/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân công, phân cấp trong công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) trong công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài (gọi chung là tổ chức, cá nhân) thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tài nguyên nước bao gồm nguồn nước mặt, nước dưới đất, nước mưa và nước biển thuộc lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Nước mặt là nước tồn tại trên mặt đất liền hoặc hải đảo (ao, sông, hồ, đập, khe suối...).

3. Nước dưới đất là nước tồn tại trong các tầng chứa nước dưới đất (trừ nước khoáng, nước nóng thiên nhiên).

4. Nước thải là nước đã bị thay đổi đặc điểm, tính chất do sử dụng hoặc do các hoạt động của con người xả vào hệ thống thoát nước hoặc ra môi trường.

5. Nguồn nước liên tỉnh là nguồn nước phân bố trên địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.

6. Nguồn nước nội tỉnh là nguồn nước phân bố trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

7. Lưu vực sông là vùng đất mà trong phạm vi đó nước mặt, nước dưới đất chảy tự nhiên vào sông và thoát ra một cửa chung hoặc thoát ra biển.

Lưu vực sông gồm có lưu vực sông liên tỉnh và lưu vực sông nội tỉnh.

8. Lưu vực sông liên tỉnh là lưu vực sông nằm trên địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.

9. Nước sinh hoạt là nước sạch hoặc nước có thể dùng cho ăn, uống, vệ sinh của con người.

10. Nước sạch là nước có chất lượng đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về nước sạch của Việt Nam.

11. Nguồn nước sinh hoạt là nguồn nước có thể cung cấp nước sinh hoạt hoặc có thể xử lý thành nước sinh hoạt.

12. Ô nhiễm nguồn nước là sự biến đổi tính chất vật lý, tính chất hóa học và thành phần sinh học của nước không phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho phép, gây ảnh hưởng xấu đến con người và sinh vật.

13. Suy thoái nguồn nước là sự suy giảm về số lượng, chất lượng nguồn nước so với trạng thái tự nhiên hoặc so với trạng thái của nguồn nước đã được quan trắc trong các thời kỳ trước đó.

14. Cạn kiệt nguồn nước là sự suy giảm nghiêm trọng về số lượng của nguồn nước, làm cho nguồn nước không còn khả năng đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng và duy trì hệ sinh thái thủy sinh.

15. Hành lang bảo vệ nguồn nước là phần đất giới hạn dọc theo nguồn nước hoặc bao quanh nguồn nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

16. Vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt là vùng phụ cận khu vực lấy nước từ nguồn nước được quy định phải bảo vệ để phòng, chống ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt.

17. Công trình khai thác nước dưới đất là hệ thống gồm một hoặc nhiều giếng khoan, giếng đào, hố đào, hành lang, mạch lộ, hang động khai thác nước dưới đất thuộc sở hữu của một tổ chức, cá nhân và có khoảng cách liền kề giữa chúng không lớn hơn 1.000 m.

18. Hành nghề khoan nước dưới đất quy mô nhỏ là hành nghề khoan và lắp đặt các giếng khoan nước dưới đất có đường kính ống chống hoặc ống vách

nhỏ hơn 110 milimét và thuộc công trình có lưu lượng nhỏ hơn 200 m³/ngày đêm.

19. Hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa là hành nghề khoan và lắp đặt các giếng khoan nước dưới đất có đường kính ống chống hoặc ống vách nhỏ hơn 250 milimét và thuộc công trình có lưu lượng từ 200 m³/ngày.đêm đến dưới 3.000 m³/ngày.đêm.

20. Quy hoạch chuyên ngành thoát nước và xử lý nước thải (gọi tắt là quy hoạch thoát nước) là việc xác định các lưu vực thoát nước (nước mưa, nước thải), phân vùng thoát nước thải; dự báo tổng lượng nước mưa, nước thải; xác định nguồn tiếp nhận; xác định vị trí, quy mô của mạng lưới thoát nước, các công trình đầu mối thoát nước và xử lý nước thải (như trạm bơm, nhà máy xử lý nước thải, cửa xả).

21. Giấy phép tài nguyên nước bao gồm: Giấy phép thăm dò nước dưới đất; giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt; giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất; giấy phép khai thác, sử dụng nước biển; giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

Chương II

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC CỦA CÁC CƠ QUAN CẤP TỈNH

Điều 4. Kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước; trách nhiệm điều tra, đánh giá tài nguyên nước

1. Tổ chức xây dựng kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước của tỉnh.

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước của tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trường hợp chưa có quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước thì căn cứ tình hình thực tế về thông tin, dữ liệu tài nguyên nước để xây dựng các nội dung trong kế hoạch điều tra cơ bản phù hợp với yêu cầu của công tác quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

2. Trách nhiệm thực hiện điều tra, đánh giá tài nguyên nước.

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị liên quan, tổ chức thực hiện việc điều tra, đánh giá tài nguyên nước của tỉnh; tổng hợp kết quả điều tra, đánh giá, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 5. Lập, phê duyệt, công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch tài nguyên nước

1. Quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị liên quan, tổ chức lập quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua sau khi có ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường; công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch tài nguyên nước của Tỉnh đã được phê duyệt.

2. Quy hoạch về thủy lợi, thủy điện, cấp nước, giao thông đường thủy nội địa và các quy hoạch khác có hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước (sau đây gọi chung là quy hoạch chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước) do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân cấp huyện lập, phải phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước.

3. Trong hành lang bảo vệ nguồn nước, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện không quy hoạch, chấp thuận chủ trương, địa điểm đầu tư và nghiêm cấm việc xây dựng mới các bệnh viện, cơ sở y tế điều trị bệnh truyền nhiễm, nghĩa trang, bãi chôn lấp chất thải, cơ sở sản xuất hóa chất độc hại, cơ sở sản xuất, chế biến có chất thải, nước thải nguy hại.

Điều 6. Quy hoạch thoát nước

Sở xây dựng chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị liên quan, tổ chức lập quy hoạch thoát nước của tỉnh.

Điều 7. Xây dựng mạng quan trắc tài nguyên nước, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước

1. Căn cứ quy hoạch mạng lưới trạm quan trắc tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, quản lý và thực hiện việc quan trắc tài nguyên nước đối với mạng quan trắc tài nguyên nước của tỉnh.

Mạng lưới trạm quan trắc của tỉnh bao gồm các trạm quan trắc lượng mưa; các trạm quan trắc lưu lượng, mực nước, chất lượng nước của các nguồn nước mặt, nước dưới đất trên địa bàn và phải được kết nối với mạng lưới trạm quan trắc của Trung ương.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh.

3. Các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm điều tra, thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý, lưu trữ và quản lý dữ liệu tài nguyên nước, cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh.

a) Sở Xây dựng phối hợp với Công ty Cổ phần Cấp nước tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cung cấp số liệu, dữ liệu về cấp nước sinh hoạt, sản xuất và dịch vụ khu vực đô thị.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cung cấp số liệu, dữ liệu về sử dụng nước trong nông nghiệp, công trình thủy lợi, hồ chứa thủy lợi, thủy điện, dự án có liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước và cấp nước sinh hoạt, sản xuất và dịch vụ khu vực nông thôn.

c) Ban Quản lý các khu công nghiệp cung cấp số liệu, dữ liệu về các đơn vị thu nhận, xử lý nước thải khu công nghiệp.

d) Sở Y tế cung cấp số liệu kết quả kiểm tra định kỳ chất lượng nguồn nước khai thác cho mục đích sinh hoạt, chất lượng nước thải tại các bệnh viện, cơ sở y tế.

e) Sở Công thương cung cấp số liệu, dữ liệu về sử dụng nước và xả nước thải trong các cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất riêng lẻ.

g) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý, lưu trữ, quản lý dữ liệu về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định; cung cấp dữ liệu về tài nguyên nước cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh.

4. Kinh phí thu thập, quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên nước: kinh phí vận hành hệ thống, thu thập, xử lý dữ liệu, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh do ngân sách nhà nước bảo đảm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; xác định, công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt, cảnh báo hiện tượng bất thường về chất lượng của nguồn nước sinh hoạt đối với các nguồn nước; bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước; sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả

1. Lập, công bố Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân

tính lập, công bố danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ theo quy định tại Điều 11 của Nghị định 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định về lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước (sau đây gọi là Nghị định 43/2015/NĐ-CP).

2. Cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy lợi

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có hồ chứa thủy lợi có dung tích từ một triệu mét khối ($1.000.000 \text{ m}^3$) trở lên xây dựng phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ, thực hiện việc cấm mốc giới trên thực địa; bàn giao mốc giới cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có hồ chứa để quản lý, bảo vệ theo quy định tại khoản 2 và 4 Điều 12 của Nghị định 43/2015/NĐ-CP.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án cấm mốc hồ chứa thủy lợi theo quy định tại khoản 3 Điều 12 của Nghị định 43/2015/NĐ-CP.

3. Cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước đối với các đoạn sông, suối, kênh, rạch chảy qua các đô thị, khu dân cư tập trung, khu, cụm công nghiệp tập trung, làng nghề hoặc được quy hoạch xây dựng đô thị, khu dân cư tập trung, khu, cụm công nghiệp tập trung, làng nghề; hồ tự nhiên, hồ nhân tạo ở các đô thị, khu dân cư tập trung

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch cấm mốc và xây dựng phương án, kinh phí cấm mốc chi tiết sau khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước; đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn theo quy định tại khoản 2, 3 và 5 Điều 13 của Nghị định 43/2015/NĐ-CP.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện việc cấm mốc giới trên thực địa theo phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đã được phê duyệt; bàn giao mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước cho Ủy ban nhân dân cấp xã để quản lý, bảo vệ theo quy định tại khoản 4 Điều 13 của Nghị định 43/2015/NĐ-CP.

4. Xác định, thông báo vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xác định vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, tham mưu cho Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt và tổ chức thông báo, thực hiện; đôn đốc, hướng dẫn, giám sát các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thực hiện việc xác

định ranh giới vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa sau khi được phê duyệt và công bố; tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình khai thác nước để cấp cho sinh hoạt trên địa bàn gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường qua Cục Quản lý tài nguyên nước trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

5. Tổ chức công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt, cảnh báo hiện tượng bất thường về chất lượng của nguồn nước sinh hoạt đối với các nguồn nước.

Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã định kỳ kiểm tra, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

6. Bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước.

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh và khu vực thường xuyên cập nhật số liệu về khí tượng, thủy văn các vùng trên địa bàn tỉnh; mức độ xâm nhập mặn theo các triền sông vào nội địa; tình hình khai thác, sử dụng nguồn nước và xả nước thải vào nguồn nước; cung cấp kịp thời số liệu về tài nguyên nước cho các ngành, các cấp thực hiện biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước.

b) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch, dự án cấp nước sinh hoạt, nước sạch; đề xuất các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước trên địa bàn tỉnh đối với khu vực đô thị.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch, dự án cấp nước sinh hoạt, nước sạch; đề xuất các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước trên địa bàn tỉnh đối với khu vực nông thôn.

7. Hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ, kinh phí xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học nhằm sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả.

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng chương trình, kế hoạch nghiên cứu khoa học, công nghệ nhằm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và xử lý, cải tạo, khôi phục nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tổ chức triển khai, chuyển giao, ứng dụng các kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước vào sản xuất và đời sống.

Điều 9. Bảo vệ chất lượng nguồn nước trong sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản

Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan kiểm tra, hướng dẫn và quản lý việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, sử dụng thuốc thú y, và các loại hoá chất trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản bảo đảm đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật không gây ô nhiễm nguồn nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 10. Công bố danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh lập, công bố danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh để phòng, chống ngập, úng và bảo vệ nguồn nước.

Điều 11. Vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị liên quan:

1. Tổ chức thực hiện việc điều tra, đánh giá xác định vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; lập, công bố danh mục, bản đồ phân vùng khai thác nước dưới đất.

2. Tổ chức thực hiện việc điều tra, đánh giá, xác định khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất; lập danh mục, công bố khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất.

Điều 12. Phòng, chống, xử lý sạt, lở bờ, bãi sông

Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dòng sông, đoạn sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ bị sạt, lở bờ, bãi sông và các đơn vị liên quan, đề xuất các giải pháp để ngăn ngừa, khắc phục.

Điều 13. Tài chính về tài nguyên nước

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục Thuế Tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xây dựng giá tính thuế tài nguyên nước theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thuế Tỉnh, các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân Tỉnh trong việc xây dựng các biểu phí, lệ phí cấp phép hoạt động tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước sau khi có hướng dẫn cụ thể của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính.

3. Cục Thuế Tỉnh tổ chức thực hiện thu thuế tài nguyên nước theo quy định của pháp luật về thuế tài nguyên và các quy định khác có liên quan.

Điều 14. Cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi và cấp lại giấy phép tài nguyên nước và giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất; cho phép chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước; thanh tra, kiểm tra, thực hiện chế độ báo cáo hoạt động tài nguyên nước

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

1) Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, đình chỉ hiệu lực và thu hồi giấy phép Tài nguyên nước, giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất và cho phép chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại Điều 28 và Điều 29 của Nghị định 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước (sau đây gọi là Nghị định 201/2013/NĐ-CP) và Điều 11 của Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất (sau đây gọi là Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT).

2) Thực hiện việc thu phí thẩm định hồ sơ cấp phép về tài nguyên nước và giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất, thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; quản lý hồ sơ cấp phép, giấy phép sau khi cấp phép.

3) Thanh tra, kiểm tra, phối hợp thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các quy định pháp luật của các tổ chức, cá nhân hoạt động tài nguyên nước sau khi được cấp giấy phép; thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về tài nguyên nước.

4) Xây dựng kế hoạch, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã về hoạt động tài nguyên nước.

5) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình quản lý, cấp phép hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 15. Tổ chức lấy ý kiến đối với dự án xây dựng công trình khai thác, sử dụng nguồn nước liên tỉnh, xả nước thải vào nguồn nước liên tỉnh; dự án xây dựng công trình chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh; hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức lấy ý kiến dự án xây dựng công trình có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đối với dự án xây dựng công trình khai thác, sử dụng nguồn nước liên tỉnh, xả nước thải vào nguồn nước liên tỉnh như sau:

a) Công trình hồ, đập có tổng dung tích từ 500 triệu m³ trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước mặt với lưu lượng từ 10 m³/giây trở lên;

b) Công trình hồ, đập làm gián đoạn dòng chảy tự nhiên của sông, suối trên một đoạn có chiều dài từ một (01) km trở lên;

c) Công trình xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng từ 10.000 m³/ngày đêm trở lên;

d) Các dự án xây dựng công trình chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về quy mô, phương án chuyển nước đối với dự án xây dựng công trình có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh.

Chương III

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

Điều 16. Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc quản lý tài nguyên nước tại địa phương theo quy định của pháp luật. Chỉ đạo, điều hành các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác quản lý tài nguyên nước. Đề xuất chính sách quản lý cho từng thời kỳ đảm bảo phát triển bền vững nguồn tài nguyên nước.

2. Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đối với dự án xây dựng công trình khai thác, sử dụng nguồn nước nội tỉnh, xả nước thải vào nguồn nước nội tỉnh; dự án xây dựng công trình chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh; dự án xây dựng công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất như sau:

a) Công trình hồ, đập có tổng dung tích từ 500 triệu m³ trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước mặt với lưu lượng từ 10 m³/giây trở lên;

b) Công trình hồ, đập làm gián đoạn dòng chảy tự nhiên của sông, suối trên một đoạn có chiều dài từ một (01) km trở lên;

c) Công trình xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng từ 10.000 m³/ngày đêm trở lên;

d) Công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất có lưu lượng từ 12.000m³/ngày đêm trở lên.

3. Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định tại Quyết định số 1197/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc công bố thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa và bãi bỏ thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Điều tra, thống kê, tổng hợp, phân loại giếng phải trám lấp theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường; tiếp nhận thông báo, kết quả trám lấp của chủ giếng và thông báo ý kiến của mình bằng văn bản (nếu có) tới chủ giếng theo quy định tại Điều 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 của Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng ban hành kèm theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 9 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; kiểm tra, giám sát việc thực hiện trình tự, thủ tục, yêu cầu kỹ thuật trong việc trám lấp giếng; lưu giữ biên bản trám lấp giếng; phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết khiếu nại trong việc xử lý, trám lấp giếng.

5. Thu thập, lưu trữ dữ liệu về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định; cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh phố; tiếp nhận tài liệu từ Sở Tài nguyên và Môi trường để lập dữ liệu lưu trữ tại địa phương.

6. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức đăng ký khai thác nước dưới đất đối với các trường hợp phải đăng ký theo quy định tại Điều 6 của Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước (sau đây gọi là Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT).

7. Thanh tra, kiểm tra, phối hợp thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các quy định pháp luật của các tổ chức, cá nhân hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về tài nguyên nước.

8. Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống và khắc phục hậu quả do nước gây ra.

a) Bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn quản lý, bao gồm: nước dưới đất, nước trong sông, suối, kênh, rạch, ao, hồ trên đất liền, hải đảo.

b) Thực hiện các biện pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt, địa điểm khai thác, sử dụng nguồn nước trên địa bàn.

c) Kiểm soát, giám sát chặt chẽ ao, hồ chứa nước thải, khu chứa nước thải trên địa bàn; trong thực hiện việc đào, xây dựng các hố chôn xác động vật chết khi có dịch, đáy và thành bên các hố phải được chống thấm, chống tràn bảo đảm không gây ô nhiễm nguồn nước.

d) Đối với nơi có nguồn nước liên tỉnh, có trách nhiệm theo dõi, phát hiện sự cố ô nhiễm; trường hợp xảy ra sự cố thì phải chủ động tiến hành ngay các biện pháp ngăn chặn, hạn chế lan rộng vùng ô nhiễm; xử lý, giảm thiểu ô nhiễm thuộc phạm vi quản lý, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức chỉ đạo xử lý.

đ) Đối với những đoạn sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ bị sạt, lở bờ, bãi sông phối hợp với các ngành chức năng xác định nguyên nhân gây sạt, lở, đề xuất các giải pháp để ngăn ngừa, khắc phục và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Đối với vùng ven biển và vùng ảnh hưởng thủy triều, phối hợp với các ngành chức năng có biện pháp quản lý, bảo vệ đê biển, vận hành các cống ngăn mặn, giữ ngọt đảm bảo đúng quy trình; khai thác nước dưới đất phải bảo đảm phòng, chống xâm nhập mặn cho các tầng chứa nước dưới đất; bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ chắn sóng để phòng chống xâm nhập mặn và nước biển dâng.

g) Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; phòng chống khắc phục hậu quả, tác hại do khai thác nước gây ra, kết hợp với việc bảo vệ môi trường, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, tài sản của nhà nước.

9. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về tài nguyên nước cho các tổ chức, cá nhân, đơn vị hoạt động liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn quản lý; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức chuyên môn về tài nguyên và môi trường cấp xã.

10. Phối hợp với các tổ chức có công trình khai thác nước để cấp cho sinh hoạt và các cơ quan liên quan trên địa bàn xác định ranh giới phạm vi của vùng

bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa sau khi được phê duyệt, công bố; Thực hiện các biện pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn; Tiếp nhận thông tin, giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình khai thác nước trên địa bàn theo thẩm quyền

11. Hòa giải, giải quyết tranh chấp về khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước các trường hợp không phải xin phép.

12. Định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất tổng hợp, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường tình hình quản lý, bảo vệ, cấp phép hoạt động tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh.

13. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

14. Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo có trách nhiệm thực hiện việc quản lý tài nguyên nước quy định tại Điều này và quy định tại Điều 17 của quy định này.

Điều 17. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc quản lý tài nguyên nước tại địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra; thống kê, theo dõi, giám sát việc thi hành pháp luật về tài nguyên nước tại địa phương.

3. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lấy ý kiến đối với dự án xây dựng công trình khai thác, sử dụng nguồn nước nội tỉnh, xả nước thải vào nguồn nước nội tỉnh; dự án xây dựng công trình chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh; dự án xây dựng công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất có quy mô lớn tại Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 16 Quy định này.

4. Tổ chức niêm yết công khai danh mục giếng phải trám lấp; tiếp nhận thông báo trám lấp, kết quả trám lấp của chủ giếng và thông báo ý kiến của mình bằng văn bản (nếu có) tới chủ giếng; kiểm tra, giám sát việc thực hiện trình tự, thủ tục, yêu cầu kỹ thuật trong việc trám lấp của chủ giếng và tổ chức, cá nhân thi công trám lấp đối với các trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 10 của Quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng ban hành kèm theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 9 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Là cơ quan đăng ký khai thác nước dưới đất. Tổ chức đăng ký, tiếp nhận, kiểm tra việc thực hiện trình tự, thủ tục đăng ký khai thác nước dưới đất

theo quy định tại Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc công bố thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa và bãi bỏ thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp huyện; quản lý, lưu trữ hồ sơ đăng ký, lập sổ theo dõi, cập nhật số liệu đăng ký, tổng hợp kết quả đăng ký, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

6. Thường xuyên thống kê, kiểm tra hoặc phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, thống kê các công trình thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn, xử lý vi phạm hoặc kiến nghị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước theo thẩm quyền. Nếu xảy ra tình huống bất khả kháng, kịp thời có biện pháp khắc phục trong khả năng đồng thời báo cáo ngay tới Ủy ban nhân dân huyện và Sở Tài nguyên và Môi trường để có biện pháp khắc phục.

7. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, tổ chức, cá nhân liên quan quản lý, bảo vệ trạm quan trắc, đo đạc, giám sát tài nguyên nước trên địa bàn.

8. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về tài nguyên nước; tổ chức hòa giải, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

9. Định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện tình hình quản lý, bảo vệ, hoạt động tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

10. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Chương IV

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, THANH TRA CHUYÊN NGÀNH VỀ HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 18. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm và đột xuất, các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện theo nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm tổng kết, báo cáo tình hình quản lý, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, đăng ký hoạt động tài nguyên nước thuộc ngành và trên địa bàn quản lý về Sở Tài nguyên và Môi trường. Nội dung báo cáo cần trình bày rõ tình hình quản lý, bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn, những thuận lợi, khó khăn, kiến nghị và đề xuất giải quyết.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận các báo cáo tình hình quản lý, bảo vệ hoạt động tài nguyên nước của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và có trách nhiệm tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Điều 19. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực tài nguyên nước thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Chương V

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 20. Khen thưởng

1. Khuyến khích tổ chức, cá nhân bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên nước.

2. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân có các hành vi vi phạm trong lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh, thì tùy thuộc mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự và bồi thường thiệt hại gây ra theo các quy định pháp luật hiện hành.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Điều khoản thi hành

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo chức năng và nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. / *meuu*



Lê Tuấn Quốc